

## SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC PHỔ THÔNG ĐỐI VỚI ĐỒNG BÀO CÁC DÂN TỘC Ở TỈNH BẮC KẠN (1997-2004)

NGUYỄN DUY TIẾN  
HÀ VĂN TIÊM

Bắc Kạn nằm ở trung tâm vùng núi Đông Bắc nước ta, cách thủ đô Hà Nội 167km, nơi có 7 dân tộc: Tày, Kinh, Dao, Nùng, Hoa, Hmông, Sán Chay cùng sinh sống. Dưới chế độ thực dân phong kiến, đồng bào các dân tộc Bắc Kạn hầu như mù chữ hoàn toàn. Sau ngày Cách mạng tháng Tám thành công, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ và Chính quyền tỉnh Bắc Kạn, nền giáo dục cách mạng đã được xây dựng, tạo tiền đề cho sự phát triển của sự nghiệp giáo dục ở Bắc Kạn. Trong 2 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, sự nghiệp giáo dục ở Bắc Kạn được chăm lo phát triển đã góp phần nâng cao dân trí cho nhân dân, xoá bỏ những tàn tích văn hoá nô dịch của thực dân, góp phần xây dựng củng cố hậu phương vững mạnh, phục vụ tiền tuyến. Sau ngày đất nước thống nhất, giáo dục cả nước nói chung và giáo dục Bắc Kạn nói riêng cũng gặp nhiều khó khăn, song nhờ đường lối đổi mới giáo dục Bắc Kạn đã có bước chuyển biến quan trọng, góp phần vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Là một tỉnh miền núi có 80% xã vùng cao, khi tái lập tỉnh cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội hết sức thấp kém, các tệ nạn xã hội còn nhiều. Ngành giáo dục - đào tạo Bắc Kạn cũng gặp nhiều khó khăn. Quy mô giáo dục ở các bậc học đều bị suy giảm, tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban còn cao. Ở những nơi vùng cao, vùng sâu trình độ dân trí còn thấp, một số trường học cơ sở vật chất còn nghèo nàn. Sau 8 năm (1997- 2004) quy mô giáo dục phổ thông đã được củng cố và kiện toàn, mạng lưới trường lớp phổ thông phát triển rộng khắp đến các bản làng nhất là ở địa bàn vùng sâu, vùng xa. Nếu như tháng 1 năm 1997 tỉnh chỉ có 169 trường với 2.405 lớp, năm 2001 đã có 205 trường với 2.740 lớp và đến năm 2004

đã có 218 trường với 2.604 lớp<sup>1</sup>. Hiện nay toàn tỉnh có 122 xã phường thì hầu hết các xã, phường đều có trường tiểu học, trường trung học cơ sở (THCS). Tính đến tháng 12/2004 trên địa bàn toàn tỉnh đã có: 111 trường tiểu học, 20 trường phổ thông cơ sở (gồm Tiểu học và THCS), 74 trường THCS, 5 trường PTTH ghép (gồm THCS và THPT) và 8 trường THPT (trong đó có 1 trường dân lập và 7 trường công lập)<sup>2</sup>.

Ngoài việc phát triển hệ thống các trường phổ thông, ngành Giáo dục - Đào tạo cũng hết sức chú trọng đến xây dựng và phát triển hệ thống các trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT). Năm 1997 chỉ có 1 trường PTDTNT của tỉnh, đến năm 2004 đã có 5 trường PTDTNT với 1.130 học sinh<sup>3</sup>.

Như vậy qua 8 năm (1997- 2004) quy mô giáo dục với hệ thống mạng lưới trường lớp đã phát triển nhanh chóng. Sự phát triển đó đã góp phần đáp ứng tốt hơn nhu cầu học tập của con em nhân dân các dân tộc trong tỉnh.

Cùng với sự phát triển của hệ thống trường, lớp phổ thông, số lượng học sinh cũng tăng lên nhanh chóng. Năm 1997 toàn ngành học phổ thông có 62.292 học sinh, năm 2001 có 75.173 học sinh<sup>4</sup>; đến năm 2004 có 71.912 học sinh<sup>5</sup>. Như vậy, so với năm 1997, năm 2004 số học sinh

<sup>1</sup> Cục Thống kê tỉnh Bắc Kạn, *Niên giám thống kê năm 2004*, tr.207

<sup>2</sup> Cục Thống kê tỉnh Bắc Kạn, *Niên giám thống kê năm 2004*, tr.207

<sup>3</sup> Sở Giáo dục - Đào tạo Bắc Kạn, *Báo cáo đánh giá kết quả sau 4 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ VIII, năm 2004*, tr.2.

<sup>4</sup> Sở Giáo dục - Đào tạo Bắc Kạn, *Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ giáo dục và đào tạo từ năm 1997 đến năm 2001*, tr.1.

<sup>5</sup> Sở Giáo dục - Đào tạo Bắc Kạn, *Báo cáo tổng kết năm học 2003-2004*, tr.2

phổ thông đã tăng lên 9.613 em. Tuy nhiên từ năm 2001 đến 2004 học sinh phổ thông đã giảm đi, do số học sinh tiểu học trong độ tuổi đang giảm dần đến ổn định vì việc thực hiện kế hoạch hoá gia đình ở tỉnh Bắc Kạn đã đạt kết quả tốt. Tuy nhiên, số học sinh THCS và THPT lại tăng nhanh. Năm học 2000 -2001 bậc tiểu học có 40.001 học sinh, bậc THCS có 26.418 học sinh, bậc PTTH có 7.769 học sinh. Đến năm học 2003-2004 bậc tiểu học có 33.450 học sinh, bậc THCS có 28.700 học sinh, bậc THPT có 11.985 học sinh <sup>6</sup>.

Như vậy từ 1997 đến 2004 cùng với sự phát triển nhanh chóng về số lượng học sinh phổ thông, hệ thống mạng lưới trường lớp đã mở rộng khắp các địa bàn trong tỉnh. Đó là một trong những cố gắng lớn của ngành Giáo dục - Đào tạo Bắc Kạn trong điều kiện của một tỉnh miền núi còn có nhiều khó khăn.

Công tác phổ cập giáo dục tiểu học - chống mù chữ (PCGDTH - CMC) và phổ cập giáo dục trung học cơ sở (PCGDTHCS) đã đạt được kết quả to lớn. Năm 1997 toàn tỉnh còn 44/122 xã phường chưa được PCGDTH - CMC, tập trung chủ yếu ở các xã vùng cao, vùng sâu thuộc các huyện Ngân Sơn, Ba Bể...

Việc hoàn thành PCGDTH - CMC ở những nơi này đòi hỏi phải tập trung nhiều nguồn lực của Trung ương và địa phương, của đội ngũ giáo viên và các lực lượng xã hội. Ngay từ năm 1997 khi tỉnh Bắc Kạn được tái lập, ngành Giáo dục - Đào tạo đã tiến hành điều tra nắm chắc thực trạng số người mù chữ theo độ tuổi, phối hợp với Tỉnh đoàn Bắc Kạn tổ chức các đội thanh niên tình nguyện làm công tác xoá mù chữ. Với nỗ lực đó, đến năm học 1997- 1998 đã có 91/122 xã, phường thị trấn đạt chuẩn PCGDTH - CMC (đạt 75%) <sup>7</sup>. Tháng 12/1998 tỉnh Bắc Kạn đã được Bộ Giáo dục - Đào tạo công nhận đạt chuẩn PCGDTH - CMC. Đó là thành tựu nổi bật của

giáo dục phổ thông Bắc Kạn, đánh dấu sự trưởng thành của ngành Giáo dục - Đào tạo Bắc Kạn, khẳng định đường lối, chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước. Từ 1998 đến 2004 kết quả PCGDTH - CMC tiếp tục được củng cố và duy trì, tiến độ PCGDTH đúng độ tuổi được đẩy nhanh. Đến năm 2004 toàn tỉnh có 74/122 xã, phường thị trấn đạt chuẩn PCGDTH đúng độ tuổi (chiếm 60,7%) <sup>8</sup>.

Dựa trên nền tảng của kết quả PCGDTH - CMC ngành Giáo dục - Đào tạo đã xây dựng đề án PCGDTHCS giai đoạn 2001- 2005 và đề án này đang được triển khai thực hiện. Năm 2000 toàn tỉnh có 3 phường đạt chuẩn PCGDTHCS, đạt tỷ lệ 2,45%. Tỉnh đã có thị xã Bắc Kạn được công nhận đạt chuẩn PCGDTHCS (năm 2002) <sup>9</sup>. Đến năm 2004 đã có 91/122 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn PCGDTHCS, đạt tỷ lệ 74,59%. Ngành Giáo dục của tỉnh đạt mục tiêu phấn đấu đến tháng 12 năm 2005 tỉnh Bắc Kạn đạt chuẩn quốc gia về PCGDTHCS.

Như vậy từ 1997 đến 2004 công tác PCGDTH - CMC và PCGDTHCS đã đạt được những kết quả to lớn, thành tích đó đã góp phần nâng cao trình độ dân trí, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bắc Kạn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, đưa sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo của tỉnh phát triển lên một bước mới.

Cùng với sự phát triển hệ thống trường lớp, số lượng học sinh, chất lượng giáo dục toàn diện của giáo dục phổ thông Bắc Kạn cũng có sự chuyển biến tích cực và ngày càng nâng cao.

Ngay từ khi tỉnh Bắc Kạn được tái lập mặc dù còn gặp nhiều khó khăn, ngành Giáo dục - Đào tạo Bắc Kạn đã hết sức quan tâm đến chất lượng giáo dục toàn diện của học sinh, đặc biệt là chất lượng về văn hoá và đạo đức. Để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của học sinh, các biện pháp tích cực đã được thực hiện như: ở bậc tiểu

<sup>6</sup> Cục Thống kê Bắc Kạn, *Niên giám...d.d.* tr.210.

<sup>7</sup> Sở Giáo dục - Đào tạo Bắc Kạn, *Báo cáo tổng kết năm học 1997-1998*, tr.3

<sup>8</sup> Sở Giáo dục - Đào tạo Bắc Kạn, *Báo cáo năm 2004...*, đ.d, tr.7, 8.

<sup>9</sup> Sở Giáo dục - Đào tạo Bắc Kạn, *Báo cáo năm 2004...*, đ.d, tr.7, 8.

học đã triển khai các biện pháp để chuẩn hoá nhà trường và thực hiện giáo dục toàn diện, dạy đủ 9 môn và dạy ngoại ngữ ở một số trường trọng điểm, tăng nhanh số lớp dạy 2 buổi/ngày và lớp bán trú. Ở bậc THPT bên cạnh việc coi trọng các tiết dạy chính khoá, các trường học đã hết sức chú trọng việc giáo dục đạo đức, thẩm mỹ, giáo dục thể chất, giáo dục pháp luật, phòng chống các tệ nạn xã hội...; đồng thời triển khai dạy tin học, ngoại ngữ. Phong trào thi đua dạy tốt học tốt, thi giáo viên giỏi, thi học sinh giỏi, thi làm đồ dùng dạy học... được tổ chức thường xuyên, triển khai rộng khắp trong toàn ngành. Qua đó, chất lượng giáo dục toàn diện của học sinh phổ thông đã được nâng lên.

Theo “Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ giáo dục và đào tạo từ năm 1997 - 2001” của Sở Giáo dục - Đào tạo Bắc Kạn, năm học 2000-2001 số học sinh học lực khá giỏi so với năm 1997 tăng đáng kể: Bạc tiểu học tăng 9,24%, THCS tăng 14,47%, THPT tăng 9,79%. Số học sinh học lực yếu, kém giảm dần: Bạc tiểu học giảm 9,24%, THCS giảm 10,61%, THPT giảm 2,76%. Đồng thời kết quả học sinh thi tốt nghiệp cũng tăng lên: bạc tiểu học đã tăng từ 95% năm 1997 lên 99,64% năm 2001; tương tự, mức tăng của THCS là từ 89,75% lên 93,99; THPT – từ 70% lên 92,18%<sup>10</sup>.

Từ các năm 2001- 2004 chất lượng giáo dục phổ thông tiếp tục được nâng cao hơn so với giai đoạn 1997- 2000. Sự phát triển đó thể hiện ở kết quả tốt nghiệp của học sinh. Theo “Báo cáo đánh giá kết quả sau 4 năm thực hiện Nghị quyết đại hội Đảng bộ lần thứ VIII (2001- 2004)” của Sở Giáo dục - Đào tạo Bắc Kạn, kết quả tốt nghiệp năm 2001 so với năm 2000, bạc tiểu học đạt 99,95% - tăng 7,99%, THCS đạt 7,55% - tăng 8,35%, THPT đạt 85,91% - tăng 7,73%<sup>11</sup>.

Như vậy với nhiều biện pháp, nhiều hình thức tổ chức dạy - học và sự nỗ lực của toàn ngành,

chất lượng giáo dục phổ thông Bắc Kạn đã có nhiều tiến bộ cả về học lực, đạo đức cũng như nề nếp chuyên cần, thể hiện qua việc đánh giá trong các kỳ thi lên lớp, thi tốt nghiệp các cấp.

Cùng với việc nâng cao chất lượng giáo dục đại trà, trong những năm qua, chất lượng giáo dục mũi nhọn ở phổ thông cũng đạt được kết quả cao. Các cuộc thi học sinh giỏi từ cấp trường, cấp tỉnh và cấp quốc gia được tổ chức thường xuyên, số học sinh giỏi các cấp ngày càng nhiều. Năm 1997 không có học sinh nào đạt giải học sinh giỏi cấp quốc gia thì sau 5 năm tái lập tỉnh đã có 36 em đạt giải cấp quốc gia của các bậc học. Trong hội thi kể chuyện theo sách, hội thi chữ viết bạc tiểu học có 6 em học sinh đạt giải quốc gia. Số học sinh đỗ thẳng vào các trường cao đẳng, đại học ngày càng tăng<sup>12</sup>.

Năm học 2003- 2004 có 9 học sinh giỏi cấp quốc gia, 636 em đạt học sinh giỏi cấp tỉnh từ lớp 3 đến lớp 12. Nhiều học sinh đạt huy chương các hạng của quốc gia về văn nghệ thể dục thể thao. Trong thành tích đó, trường THPT Bắc Kạn đã phát huy truyền thống “trường lá cờ đầu miền núi toàn miền Bắc”, luôn dẫn đầu trong toàn tỉnh về số lượng học sinh giỏi cấp tỉnh, cấp quốc gia.

Đến năm 2004 toàn tỉnh có 8 trường đạt chuẩn quốc gia: Tiểu học Đức Xuân, Tiểu học Phùng Chí Kiên (thị xã Bắc Kạn), Tiểu học Nông Hạ, Tiểu học Cao Kỳ (huyện Chợ Mới), Tiểu học Phương Thông (huyện Bạch Thông), Tiểu học Lam Sơn (huyện Na Rì), Tiểu học Ngọc Phái, Tiểu học thị trấn Bằng Lũng (huyện Chợ Đồn).

Cùng với sự phát triển nhanh chóng về quy mô, mạng lưới trường lớp và số lượng học sinh, đội ngũ giáo viên cũng được tăng cường về số lượng, chuẩn hoá về trình độ, chất lượng được nâng cao, từng bước đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp giáo dục tỉnh Bắc Kạn.

<sup>10</sup> Sở Giáo dục - Đào tạo, Báo cáo năm 2001..., d.d, tr.4

<sup>11</sup> Sở Giáo dục - Đào tạo, Báo cáo năm 2004...,d.d, tr.3.

<sup>12</sup> Sở Giáo dục - Đào tạo Bắc Kạn, Đề án triển khai thực hiện Nghị quyết hội nghị Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn lần thứ 9(khóa VIII) về giáo dục - đào tạo, năm 2002, tr.4.

Khi tỉnh Bắc Kạn mới tái lập, đội ngũ giáo viên giảng dạy vừa thiếu về số lượng, vừa yếu về chất lượng, nhiều người không được đào tạo chính quy. Toàn tỉnh có 3.219 giáo viên, biên chế toàn ngành có 3.673 người. Số giáo viên có trình độ đạt chuẩn chiếm tỷ lệ thấp, trong đó: giáo viên hệ mầm non đạt chuẩn 22%, tiểu học - 75%, THCS - 55%, THPT - 92%<sup>13</sup>.

Để khắc phục tình trạng thiếu giáo viên, để nâng cao trình độ và chuẩn hoá đội ngũ, đáp ứng yêu cầu phát triển sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo của tỉnh, Sở Giáo dục - Đào tạo đã xây dựng đề án trình Ủy ban Nhân dân tỉnh, Bộ Giáo dục - Đào tạo, Chính phủ để thành lập trường THSP Bắc Kạn (1998) (năm 2002 trường THSP Bắc Kạn được nâng cấp thành trường CĐSP Bắc Kạn). Trường có nhiệm vụ bồi dưỡng giáo viên cho tỉnh, chủ động liên kết với các trường cao đẳng, đại học ở Thái Nguyên và Hà Nội để đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ giáo viên. Ngành Giáo dục - Đào tạo của tỉnh còn xây dựng và thực hiện “Đề án đào tạo bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục giai đoạn 2003- 2005”.

Sau 8 năm phấn đấu, số lượng giáo viên đã tăng nhanh chóng. Toàn tỉnh có 3.672 giáo viên (biên chế toàn tỉnh là 4.984 người) trong đó bậc tiểu học có 1.804 giáo viên, bậc THCS - 1.450 giáo viên, bậc THPT - 418 giáo viên. Trình độ của đội ngũ giáo viên cũng được nâng cao. Tỷ lệ giáo viên phổ thông đạt chuẩn so với năm 1997 đều tăng lên: bậc tiểu học tăng từ 75% lên 97%, THCS - từ 55% lên 93,1%, THPT từ đa số đạt chuẩn đã tăng lên 97,28%. Năm 1997, cả tỉnh chỉ có 2 người có học vị Thạc sĩ, đến năm 2006 đã có 43 giáo viên có trình độ Thạc sĩ và 9 giáo viên đang theo học cao học<sup>14</sup>.

Không chỉ tăng nhanh về số lượng và nâng cao trình độ đào tạo mà trình độ năng lực của đội

ngũ giáo viên cũng được nâng lên. Qua các kỳ thi giáo viên dạy giỏi các cấp, tham dự các hội nghị chuyên đề do Sở Giáo dục - Đào tạo tổ chức, giáo viên có điều kiện trao đổi, giao lưu học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau, từ đó nâng cao trình độ năng lực của giáo viên, góp phần tích cực nâng cao chất lượng dạy và học. Năm học 2003- 2004 đã có 908 giáo viên dạy giỏi cấp huyện, thị xã, 128 giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh. Có 5 giáo viên tiểu học đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp quốc gia. Với sự nỗ lực phấn đấu, đã có rất nhiều cán bộ, giáo viên xuất sắc được Đảng, Nhà nước và Bộ Giáo dục - Đào tạo tặng bằng khen, huy chương “Vì sự nghiệp Giáo dục”, danh hiệu “Nhà giáo ưu tú”. Đến năm 2004 ngành Giáo dục - Đào tạo Bắc Kạn đã có 4 nhà giáo ưu tú.

Việc xây dựng cơ sở vật chất cho trường học là điều kiện cơ bản nhất cho dạy và học ở phổ thông. Sau 8 năm tái lập tỉnh, quá trình xây dựng cơ sở vật chất cho trường học đã đạt được những thành tựu to lớn, góp phần thúc đẩy sự nghiệp giáo dục phổ thông phát triển.

Năm 1997 toàn tỉnh còn có 71% số phòng học là tranh tre, nửa lá tạm bợ, phải sửa chữa thường xuyên mỗi khi bước vào năm học mới; trang thiết bị trường học, đồ dùng dạy học còn hết sức thiếu thốn. Ở nhiều trường đã có phòng thí nghiệm, thư viện nhưng chưa đạt chuẩn, số trường được trang bị máy vi tính mới đạt 20%<sup>15</sup>.

Bằng nguồn vốn đầu tư của Trung ương, nguồn ngân sách của tỉnh, vốn dự án Trung học cơ sở, vốn hỗ trợ của UNICEP...; cùng với sự đóng góp của nhân dân, kinh phí đầu tư cho xây dựng cơ sở vật chất trường học đã được tăng lên hàng năm. Với việc triển khai kịp thời các dự án thực hiện chương trình kiên cố hoá trường học, sau 8 năm (1997- 2004), hệ thống cơ sở trường lớp của giáo dục phổ thông Bắc Kạn đã được xây dựng và phát triển nhanh chóng. Cơ sở hạ tầng của ngành giáo dục đã được thay đổi rõ rệt.

<sup>13</sup> Sở Giáo dục - Đào tạo, *Báo cáo năm 2004...*, d.d, tr.5.

<sup>14</sup> Sở Giáo dục - Đào tạo, *Báo cáo năm 2004...*, d.d, tr.4, 5.

<sup>15</sup> Giáo dục - Đào tạo Bắc Kạn, *Báo cáo tổng kết năm 1997...*, d.d, tr.5.

Đến năm 2004 toàn tỉnh có 3.329 phòng học, số phòng học được xây dựng kiên cố và bán kiên cố là 2.452 phòng, chiếm tỷ lệ 73,66%, số phòng học tạm chỉ còn 777 phòng chiếm tỷ lệ 14,06%<sup>16</sup>. Nhiều ngôi trường cao tầng với quy mô hiện đại đã được xây dựng, đặc biệt ở các xã vùng cao, vùng sâu nhiều ngôi trường mới được xây dựng khang trang.

Với việc tăng cường đầu tư về cơ sở vật chất, đẩy nhanh chương trình kiên cố hoá trường học đã góp phần quyết định trong việc mở rộng quy mô trường, lớp và nâng cao chất lượng dạy và học của giáo dục phổ thông Bắc Kạn. Đồng thời với việc tăng cường đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất thì việc đầu tư, xây dựng phục vụ dạy và học trong các trường phổ thông được quan tâm. Những năm đầu sau khi tái lập tỉnh, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho dạy và học còn nghèo nàn thiếu thốn, không đáp ứng được yêu cầu dạy và học. Ở các xã vùng cao, vùng sâu học sinh còn thiếu sách giáo khoa... Để khắc phục tình trạng đó ngành Giáo dục - Đào tạo quan tâm đầu tư, dùng kinh phí để mua sắm trang thiết bị, đồ dùng dạy học cho các trường phổ thông, đồng thời phối hợp với công ty sách thiết bị trường học để cung ứng, luân chuyển kịp thời sách giáo khoa, đồ dùng dạy học đến các đơn vị trường học. Với sự quan tâm và nỗ lực đó đến năm 2004, hầu hết các trường học đều có thiết bị, đồ dùng dạy học, có đủ sách giáo khoa cho học sinh và giáo viên, đáp ứng những điều kiện cơ bản phục vụ cho việc dạy học ở các trường phổ thông trong tỉnh.

Hiện nay đất nước ta đang bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, cùng với xu thế chung của cả nước, giáo dục phổ thông Bắc Kạn đã phát huy truyền thống giáo dục của tỉnh, khắc phục những khó khăn bước đầu và vươn lên giành được những thành tựu hết sức quan trọng. Quy mô trường lớp phát triển nhanh chóng, chất lượng giáo dục phổ thông ngày càng được nâng

cao, công tác PCGDTH- CMC và PCGDTHCS đạt hiệu quả. Đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất ngày càng được tăng cường.

Đó là những thành tích đáng tự hào của giáo dục phổ thông Bắc Kạn. Để đạt được những thành tích đó, trước hết là nhờ có đường lối của Đảng ta, luôn coi trọng “Giáo dục là quốc sách hàng đầu”, “Đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho phát triển”. Mục tiêu của giáo dục - đào tạo là nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực và bồi dưỡng nhân tài. Đảng ta coi sự nghiệp giáo dục - đào tạo là sự nghiệp hàng đầu của toàn dân... Thực hiện đường lối chủ trương của Đảng, quán triệt các Nghị quyết Trung ương về giáo dục - đào tạo, Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn đã đề ra chủ trương và các biện pháp cụ thể phù hợp với điều kiện của một tỉnh miền núi, phát huy mọi nguồn lực nhằm đảm bảo cho giáo dục phổ thông Bắc Kạn phát triển.

Trong quá trình thực hiện công cuộc đổi mới, đặc biệt từ sau khi tỉnh Bắc Kạn được tái lập, nền kinh tế ở Bắc Kạn đã có bước tăng trưởng cao hơn, đời sống nhân dân đã được cải thiện, công cuộc xoá đói giảm nghèo được đẩy mạnh... Đó là tiền đề căn bản có tính quyết định đảm bảo cho sự phát triển giáo dục - đào tạo nói chung và giáo dục phổ thông nói riêng.

Công tác xã hội hoá giáo dục đã phát huy tác dụng và góp phần quan trọng làm cho giáo dục trở thành sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân. Công tác xã hội hóa giáo dục ở Bắc Kạn đã tạo ra sự chuyển biến sâu sắc về nhận thức và hành động của nhân dân và toàn xã hội đối với giáo dục, cho phép huy động các nguồn lực trong nhân dân và sự đóng góp của các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đoàn thể... để phát triển giáo dục phổ thông.

Giáo dục phổ thông Bắc Kạn đạt được những thành tích đó còn có sự chỉ đạo sát sao của Sở Giáo dục - Đào tạo và sự cố gắng của đội ngũ cán bộ, giáo viên ngành Giáo dục - Đào tạo Bắc Kạn.

<sup>16</sup> Sở Giáo dục - Đào tạo Bắc Kạn, Báo cáo đánh giá... năm 2004 đ.d, tr.4.

Bên cạnh những thành tích đã đạt được, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ giáo dục - đào tạo 8 năm qua (1997-2004) giáo dục phổ thông Bắc Kạn còn có những khó khăn và hạn chế, thể hiện qua các khía cạnh sau đây:

i) Chất lượng và hiệu quả giáo dục còn thấp, không đồng đều giữa các vùng trong tỉnh, chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra. Số học sinh giỏi cấp quốc gia và tỷ lệ thi đỗ vào các trường Đại học, Cao đẳng và Trung học chuyên nghiệp còn thấp so với mặt bằng chung của cả nước. Ở địa bàn vùng sâu, vùng xa, chất lượng dạy và học còn thấp. Đó là một trong những thách thức lớn của giáo dục phổ thông Bắc Kạn.

ii) Đội ngũ giáo viên còn bất cập về số lượng, chất lượng và cơ cấu, mặc dù tỷ lệ giáo viên đứng lớp tính chung cho cả tỉnh đã tăng lên nhưng còn thấp so với quy định. Về cơ cấu còn có sự bất cập, nhất là ở bậc THCS và THPT còn thiếu giáo viên các môn: toán, lý, giáo dục quốc phòng, giáo dục công dân, nhạc, mỹ thuật, thể dục... Tuy số giáo viên đạt chuẩn đào tạo có tăng lên nhưng trình độ ngoại ngữ, tin học của phần đông giáo viên còn yếu, trình độ chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm của một bộ phận giáo viên còn hạn chế, đặc biệt chất lượng đội ngũ giáo viên ở các bậc học thuộc địa bàn vùng sâu, vùng xa còn yếu.

iii) Việc xây dựng cơ sở vật chất cho trường học đã được đầu tư nhưng chưa đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục. Thiết bị dạy học còn nghèo nàn, nhiều trường học trong tỉnh chưa có phòng thí nghiệm, thư viện đạt chuẩn.

Những hạn chế đó đã ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng và hiệu quả của giáo dục phổ thông Bắc Kạn.

Nguyên nhân dẫn đến những khó khăn và hạn chế là do điểm xuất phát về kinh tế của tỉnh Bắc Kạn rất thấp. Đây là tỉnh miền núi với địa hình núi cao hiểm trở, trình độ sản xuất kinh doanh khá lạc hậu, trình độ văn hoá giữa các dân tộc, giữa các vùng trong tỉnh còn chênh lệch lớn nên Bắc Kạn vẫn là một trong số những tỉnh nghèo

nhất cả nước. Nguồn ngân sách của địa phương còn nhỏ bé, khả năng chi ngân sách cho giáo dục còn ở mức độ thấp. Đời sống của nhân dân các dân tộc ở Bắc Kạn còn nghèo, thu nhập bình quân đầu người (GDP) chỉ bằng 30% cả nước<sup>17</sup>, do vậy việc chi phí cho con em đi học có nhiều hạn chế.

Trong thành phần các dân tộc ở tỉnh Bắc Kạn, các dân tộc như Tày, Nùng... chiếm đa số. Mức sống của đồng bào vùng cao, vùng xa còn thấp và có khoảng cách khá xa so với đồng bào ở vùng thấp đô thị; đặc biệt các dân tộc Dao, Hmông với số lượng dân cư cũng khá đông, kinh tế mang tính tự cung tự cấp, cuộc sống còn nhiều bấp bênh, địa bàn sinh sống chủ yếu ở vùng núi cao, vùng sâu. Tại các khu vực này, việc vận động con em đồng bào đi học còn gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là các xã vùng cao, vùng sâu ở các huyện Ba Bể, Pác Nặm...

Do địa hình núi cao, hiểm trở, việc đi lại giữa các địa phương trong tỉnh, đặc biệt là đến các xã vùng cao, vùng sâu gặp nhiều khó khăn nên việc thực hiện chương trình kiên cố hoá trường học, tiến hành bồi dưỡng nâng cao trình độ cho giáo viên có nhiều hạn chế. Đồng thời, những tiêu cực xã hội và mặt trái của cơ chế thị trường đã tác động đến nhà trường ngày càng gia tăng.

Để khắc phục những khó khăn, hạn chế đó đòi hỏi cần có sự quan tâm hơn nữa của Trung ương, Đảng bộ, chính quyền tỉnh Bắc Kạn và sự nỗ lực, cố gắng của toàn ngành Giáo dục-Đào tạo và nhân dân các dân tộc trong tỉnh. Với tiềm năng, nội lực sẵn có, phát huy những thành tựu đã đạt được, ngành Giáo dục - Đào tạo Bắc Kạn dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, sự giúp đỡ của Trung ương chắc chắn sẽ khắc phục được những khó khăn và vươn lên đạt được những thành tích cao hơn trong sự nghiệp đổi mới hiện nay.

<sup>17</sup> Địa lý tỉnh Bắc Kạn, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội năm 2002, tr. 261